

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ T  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09-9-2022

“V/v tranh chấp hôn nhân và  
gia đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;
2. Ông Nguyễn Hoàng Tam.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trịnh Hữu Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 50/2022/TLST-HN&GD ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2022/QĐXXST-HN ngày 19 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị Võ Thị Lệ Q, sinh năm 1987, địa chỉ: tổ 10, ấp P, xã P1, thị xã T, tỉnh An Giang;

***Bị đơn:*** Anh Lê Thành T, sinh năm 1988, địa chỉ: tổ 18, khóm L, phường L1, thị xã T, tỉnh An Giang.

Chị Q có mặt tại phiên tòa; Anh T vắng mặt, không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị Lệ Q trình bày:*** Chị Q và anh T tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý nên thống nhất tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L1 theo giấy chứng nhận kết hôn số 26/KH ngày 18/3/2010. Đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân

do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh T không lo cho gia đình, có cự cãi và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2021 cho đến nay, Chị Q yêu cầu ly hôn với anh Lê Thành T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, Chị Q và anh T có 02 (hai) con chung tên Lê Võ Hà M, sinh ngày 13/7/2013 và Lê Trọng T, sinh ngày 22/3/2019. Hiện con chung đang sống với Chị Q, khi ly hôn, Chị Q yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 249/TB-TLVA ngày 14/02/2022 và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 244/TB-TA ngày 02/3/2022 cho anh Lê Thành T thông qua người thân là bà Trần Thị P (mẹ ruột của anh T) nhận thay và cam kết có báo lại cho anh T biết về việc Chị Q khởi kiện ly hôn với anh T tại Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang nhưng anh T vắng mặt tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt, Chị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh Lê Thành T.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh nơi cư trú của anh Lê Thành T tại Công an phường L1, thị xã T; Xác minh tình trạng hôn nhân và con chung của Chị Q và anh T tại Hội liên hiệp phụ nữ phường L1, thị xã T; Lấy lời khai của bà Trần Thị P (mẹ ruột của anh T), cụ thể:

Công an phường L1, thị xã T cung cấp: Anh Lê Thành T, sinh năm 1988 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 18, khóm L, phường L1, thị xã T, tỉnh An Giang. Hiện anh T không có mặt ở địa phương, anh T đang làm hồ tại thành phố Hồ Chí Minh.

Hội Liên hiệp phụ nữ phường L1, thị xã T cung cấp: Về tình trạng hôn nhân của Chị Q và anh T như thế nào thì không rõ. Về con chung, Chị Q và anh T có 02 (hai) con chung tên Lê Võ Hà M, sinh ngày 13/7/2013 và Lê Trọng T, sinh ngày 22/3/2019. Hiện các con chung đang sống với Chị Q và bà ngoại. Đồng thời, các cháu được Chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng tốt và không nghe thấy các cháu bị Chị Q ngược đãi, đánh đập hoặc không quan tâm các cháu.

Lời khai của bà Trần Thị P (mẹ ruột anh T) cho biết: bà P là mẹ ruột của anh T và là mẹ chồng của Chị Q. Bà P có nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý vụ án số 249/TB-TLVA ngày 14/02/2022 và Thông báo phiên họp số 244/TB-TA ngày 02/3/2022 về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T và có báo lại cho anh T biết về các văn bản tố tụng trên. Anh T có biết về việc Chị Q nộp đơn khởi kiện ly hôn với anh T tại Tòa án nhân dân thị xã T. Vợ chồng (Q - T) tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được cha mẹ hai bên chấp thuận nên thống nhất tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L1, thị xã T. Đến năm 2021 thì vợ

chồng (Quyền – Tài) phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cự cãi và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2021 cho đến nay, không còn liên lạc cho nhau nữa. Về con chung, vợ chồng (Q - T) có 02 (hai) con chung tên Lê Võ Hà M, sinh ngày 13/7/2013 và Lê Trọng T, sinh ngày 22/3/2019. Hiện các con chung đang sống với mẹ ruột (Võ Thị Lệ Q) và bà ngoại. Các cháu được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt và không nghe thấy hoặc ai nói về việc Chị Q bạo hành, ngược đãi, bỏ bê, không quan tâm con cái.

Đối với tài sản chung và nợ chung của vợ chồng (Q - T), không có.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: *Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được hội đồng xét xử xem xét và tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhận thấy:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Lệ Q yêu cầu được ly hôn với anh T do tình cảm vợ chồng không còn. Đối với anh T hiện Tòa án chưa lấy được lời khai về việc có đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Chị Q hay không.

Theo biên bản xác minh về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng Chị Q và anh T được bà Trần Thị P và Hội liên hiệp phụ nữ phường L1 trình bày nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh T, Chị Q là về tình cảm, thường hay cự cãi nhau và ly thân từ năm 2021 đến nay. Theo biên bản xác minh về tình trạng cư trú của anh T hiện anh T không có mặt tại địa phương. Việc anh T không có mặt tại phương, đã thể hiện việc anh T và Chị Q không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm làm cho cuộc hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, việc Chị Q khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T là có cơ sở.

Về quan hệ con chung: Anh T và Chị Q có hai con chung tên Lê Võ Hà M, sinh ngày 13/7/2013 và Lê Trọng T, sinh ngày 22/3/2019, hiện hai cháu đang sống với Chị Q, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc hai cháu, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, theo nguyện vọng của cháu M khi cha mẹ của cháu ly hôn cháu M yêu cầu được tiếp tục chung sống với Chị Q. Do đó, để ổn định cuộc sống của hai cháu đề nghị giao hai cháu M, T cho chị Q được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Q trình bày không có, đề nghị không đặt ra để xem xét, giải quyết.

*Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị:*

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị Lệ Q được ly hôn với anh Lê Thành T.

Về quan hệ con chung: Chị Võ Thị Lệ Q được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lê Võ Hà M, sinh ngày 13/7/2013 và Lê Trọng T, sinh ngày 22/3/2019 và anh Lê Thành T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Võ Thị Lệ Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *\* Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Võ Thị Lệ Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Thành T. Anh T có nơi cư trú tại tổ 18, khóm L, phường L1, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Lê Thành T được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

#### *\* Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Lệ Q và anh Lê Thành T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L1, thị xã T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 26/KH ngày 18/3/2010, hôn nhân giữa Chị Q và anh T là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị Q khai: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2021, Chị Q và anh T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về kinh tế và tình cảm và sống xa nhau từ năm 2021 cho đến nay. Chị Q yêu cầu ly hôn với anh Lê Thành T.

Theo lời khai của bà Trần Thị P (mẹ ruột anh T) cung cấp: Vợ chồng (Q - T) tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được cha mẹ hai bên chấp thuận nên thống nhất

tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L1, thị xã T. Đến năm 2021 thì vợ chồng (Q – T) phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cự cãi và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2021 cho đến nay, không còn liên lạc cho nhau nữa.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng của Chị Q và anh T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cự cãi và sống xa nhau từ năm 2021 cho đến nay. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho Chị Q và anh T hàn gắn tình cảm, nhưng anh T vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tình trạng vợ chồng Chị Q và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững. Xét, cho chị Võ Thị Lệ Q ly hôn với anh Lê Thành T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, Chị Q và anh T có 02 (hai) con chung tên Lê Võ Hà M, sinh ngày 13/7/2013 và Lê Trọng T, sinh ngày 22/3/2019. Chị Q yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Biên bản xác minh Hội Liên hiệp Phụ nữ phường L1, thị xã Tân Châu: Chị Q và anh T có 02 (hai) con chung tên Lê Võ Hà M, sinh ngày 13/7/2013 và Lê Trọng T, sinh ngày 22/3/2019. Hiện các con chung đang sống với Chị Q. Đồng thời, các cháu được Chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng tốt và không nghe thấy các cháu bị Chị Q ngược đãi, đánh đập hoặc không quan tâm các cháu.

Lời khai của bà Trần Thị P (mẹ ruột anh T) cung cấp: Vợ chồng (Q - T) có 02 (hai) con chung tên Lê Võ Hà M, sinh ngày 13/7/2013 và Lê Trọng T, sinh ngày 22/3/2019. Hiện các con chung đang sống với mẹ ruột (Võ Thị Lệ Q). Các cháu được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt và không nghe thấy hoặc ai nói về việc Chị Q bạo hành, ngược đãi, bỏ bê, không quan tâm con cái.

Biên bản ghi nhận ý kiến nguyện vọng của cháu Hà M có nguyện vọng được sống với mẹ Võ Thị Lệ Q.

Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và nguyện vọng của cháu Hà My và cháu T, cuộc sống và môi trường của cháu cũng ổn định. Xét, giao cháu Lê Võ Hà M, sinh ngày 13/7/2013 và Lê Trọng T, sinh ngày 22/3/2019 cho Chị Q tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị Võ Thị Lệ Q cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Lê Thành T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Q phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Lệ Quyền.

Chị Võ Thị Lệ Q được ly hôn với anh Lê Thành T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 26/KH được Ủy ban nhân dân phường L1, thị xã T, tỉnh An Giang cấp ngày 18/3/2010 cho chị Võ Thị Lệ Q và anh Lê Thành T không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Chị Võ Thị Lệ Q được nuôi dưỡng 02 (hai) con chung tên Lê Võ Hà M, sinh ngày 13/7/2013 và Lê Trọng T, sinh ngày 22/3/2019 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh Lê Thành T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Võ Thị Lệ Q cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Lê Thành T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Võ Thị Lệ Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0006159 ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh An Giang; Chị Võ Thị Lệ Q đã nộp đủ án phí.

Anh Lê Thành T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Chị Q có quyền kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh T là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TX. T (02);
- Chi cục THADS TX. T (01);
- Toà án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- UBND nơi đăng ký kết hôn (01);
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thùy Dương**